

Số: *K44*/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *31* tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.73, huyện Kim Động

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.73, huyện Kim Động;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Kim Động tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 25/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.73, huyện Kim Động với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐH.73, huyện Kim Động.
2. Thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.73, huyện Kim Động.
3. Chủ đầu tư: UBND huyện Kim Động.
4. Loại, cấp công trình:
 - Loại công trình: Công trình giao thông;
 - Cấp công trình: Công trình cấp III.
5. Địa điểm xây dựng: Huyện Kim Động.
6. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Thái Hưng.
7. Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư Bùi Ngọc Đích.
8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu.
 - 8.1. Bình đồ tuyến: Hướng tuyến cơ bản bám theo tim tuyến hiện tại, điều

chỉnh một số đoạn cho phù hợp với địa hình để đảm bảo êm thuận và hạn chế giải phóng mặt bằng. Điểm đầu tại Km1+500, thuộc địa phận xã Vĩnh Xá, điểm cuối tại Km8+461,1 (giao ĐT.378) thuộc địa phận xã Hùng An, huyện Kim Động; chiều dài tuyến L = 6.961,1m.

8.2. Trắc dọc tuyến: Thiết kế theo phương pháp đường bao, điểm khống chế là điểm đầu, điểm cuối và trên cơ sở mặt đường cũ, thiết kế nâng cao độ mặt đường để đảm bảo chiều dày kết cấu và độ êm thuận của mặt đường.

8.3. Trắc ngang tuyến:

- Chiều rộng nền đường $B_{nền} = 7,0m$;
- Chiều rộng mặt đường $B_{mặt} = 5,5m$; dốc ngang 2 mái $i = 3\%$;
- Chiều rộng lề đường $B_{lề} = 2 \times 0,75m = 1,5m$; dốc ngang $i = 4\%$ (đoạn thiết kế rãnh dọc chịu lực, sử dụng rãnh làm lề đường).

8.4. Kết cấu mặt đường (theo thứ tự từ trên xuống):

a) Đoạn từ Km1+500 - Km8+379,9:

- Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn nhựa 4,5Kg/m²;
- Tưới thấm bảm tiêu chuẩn 1,0Kg/m²;
- Móng cấp phối đá dăm loại I dày 18cm;
- Bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I.

b) Đoạn từ Km8+379,9 - Km8+461,1:

- Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn nhựa 4,5Kg/m²;
- Tưới thấm bảm tiêu chuẩn 1,0Kg/m²;
- Móng cấp phối đá dăm loại I dày 18cm;
- Móng cấp phối đá dăm loại II dày 30cm;
- Lớp cát đen đầm chặt K98.

8.5. Hệ thống thoát nước:

a) Thoát nước dọc:

- Đoạn qua khu dân cư: Thiết kế rãnh dọc bằng BTCT M200 đá 1x2 đúc sẵn, B = 40cm; thân rãnh đặt trên lớp đệm đá dăm dày 10cm; tấm đan bằng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn. Đoạn ngoài khu dân cư thoát nước tự nhiên.

b) Thoát nước ngang: Làm mới 03 cống tròn BTCT tải trọng C đường kính D600 đúc sẵn tại (Km3+760; Km4+540, Km5+835,4). Móng cống bằng BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm dày 10cm; tường đầu, tường cánh, sân cống xây đá hộc vữa XMCV M100 trên lớp đệm đá dăm dày 10cm; hố ga xây gạch chỉ đặc dày 33cm vữa XMCV M75, móng hố ga bằng BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm dày 10cm.

8.6. Thiết kế khác:

a) Gia cố chân ta luy bằng cọc tre phê nửa tại: Km3+706 - Km3+736(Trái), Km3+966 - Km3+996 (Trái), Km4+229 - Km4+274 (Phải), Km4+290 - Km4+315 (Phải), Km5+542 - Km5+572 (Phải), Km5+140 - Km5+206 (Phải), Km5+288 - Km5+313(Trái), Km5+369 - Km5+409(Trái), Km5+566 - Km5+590(Phải), Km5+600 - Km5+630 (Phải), Km6+253 - Km6+288 (Trái), Km6+390 - Km6+428 (Trái), Km6+512 - Km6+549(Trái), Km7+173 - Km7+196 (Trái), Km7+379

Km7+569 (Trái), Km7+772 - Km7+992(Trái), Km8+268 - Km8+320(Trái), Km8+353 - Km8+381 (Phải): Cọc tre dài 2,5m khoảng cách giữa các cọc 0,3m/cọc; phen nửa B=0,7m.

b) Vá ổ gà mặt đường cũ: Đào khuôn đến đáy ổ gà, vệ sinh sạch sẽ, vá bằng cấp phối đá dăm loại I.

c) Đối với mặt đường bị cao su (xử lý đến cao độ mặt đường cũ):

- Đào bỏ nền, mặt đường cũ sâu 90cm;
- Móng cấp phối đá dăm loại II dày 30cm;
- Lớp cát đen đầm chặt K98.

Sau khi vá ổ gà, xử lý cao su đảm bảo kỹ thuật, tiến hành tăng cường kết cấu mặt đường.

d) Vuốt nổi đầu tuyến, cuối tuyến, đường ngang bằng đá dăm trộn nhựa.

8.7. An toàn giao thông: Cọc tiêu biển báo theo quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT: Cọc tiêu bằng BTCT M200 kích thước 15cmx15cmx110cm; cọc H, cột Km bằng BTXM M200; đế cọc tiêu, cột H, cột Km, cột biển báo bằng BTXM M150 đá 2x4; biển báo bằng tôn mạ kẽm nhúng nóng dày 2mm, cột biển D89mm bằng thép dày 2mm; mặt biển báo dán màng phản quang SORI 3400 theo TCVN 7887: 2008.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình : **22.516.120.000đồng.**


Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 17.546.783.000đồng
- Chi phí QLDA : 468.675.000đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 1.286.861.000đồng
- Chi phí khác : 1.166.881.000đồng
- Chi phí dự phòng : 2.046.920.000đồng

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách huyện Kim Động 30%.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2017 - 2020.

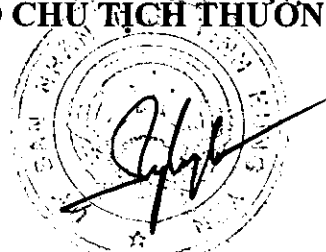
Điều 2. Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc nhà nước Hưng Yên; Chủ tịch UBND huyện Kim Động và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT¹.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Ngọc Quỳnh